

CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (HSX: PGD)

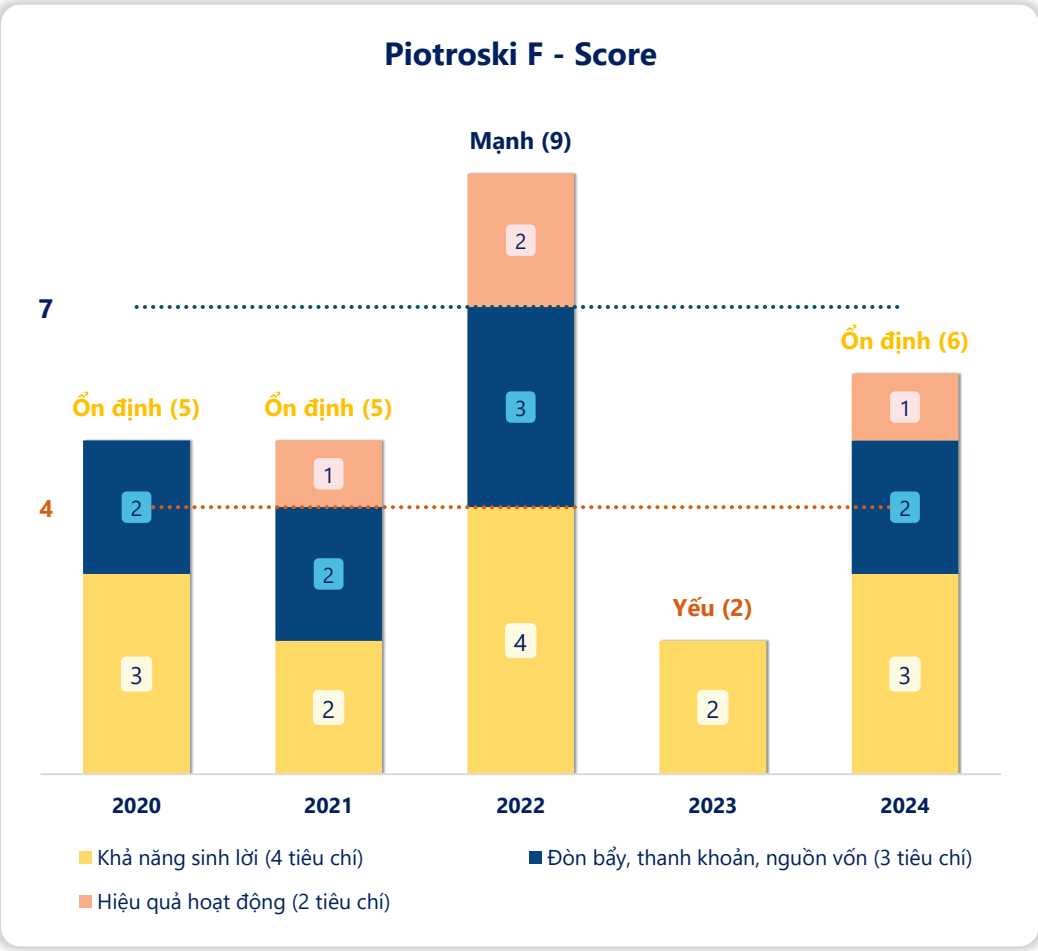
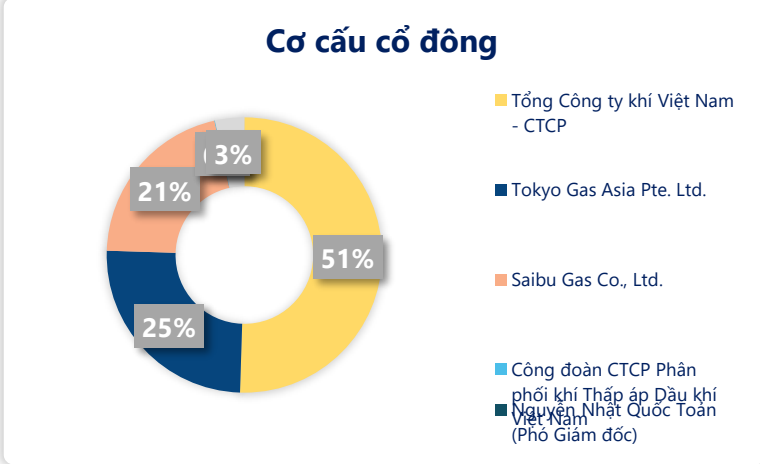
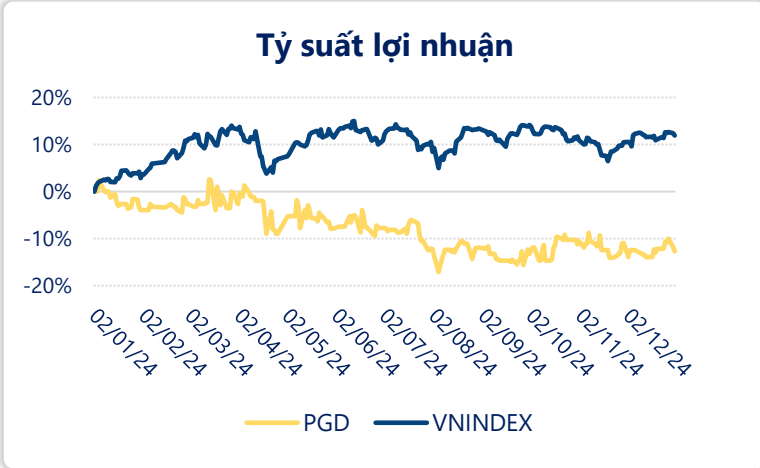
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	31,700 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.3%	2.3%	-5.0%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	6/9
2024	(Ổn định)

DT thuần	2024
10,938	YoY
tỷ VNĐ	▲ 1,047
	▲ 10.6%

LN sau thuế	2024
249	YoY
tỷ VNĐ	▼ 17.0
	▼ 6.3%

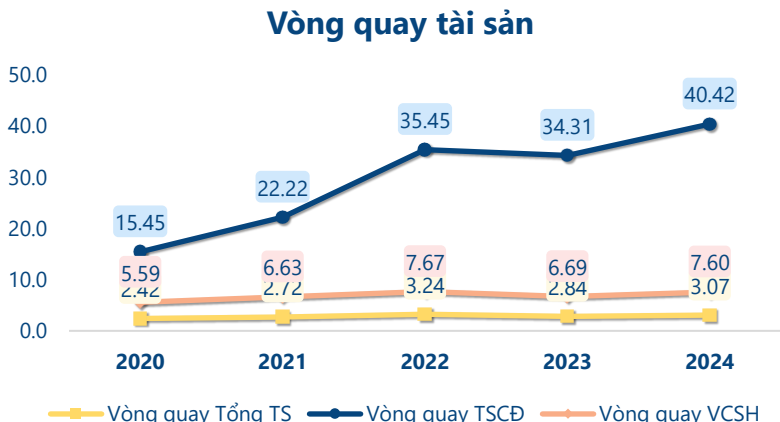
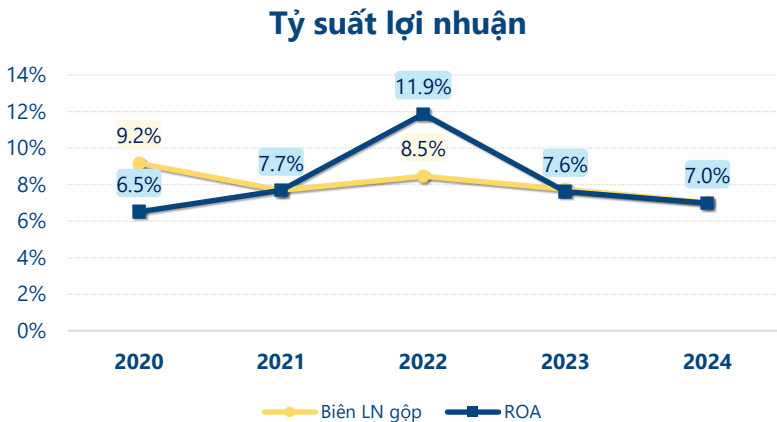
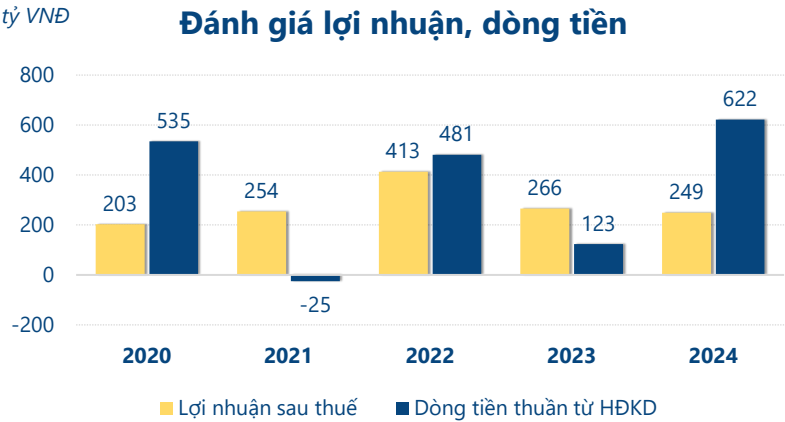


Năm 2024, F-Score của **PGD** đạt **6/9** cao hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá tốt hơn, thuộc vùng "**Ổn định**".

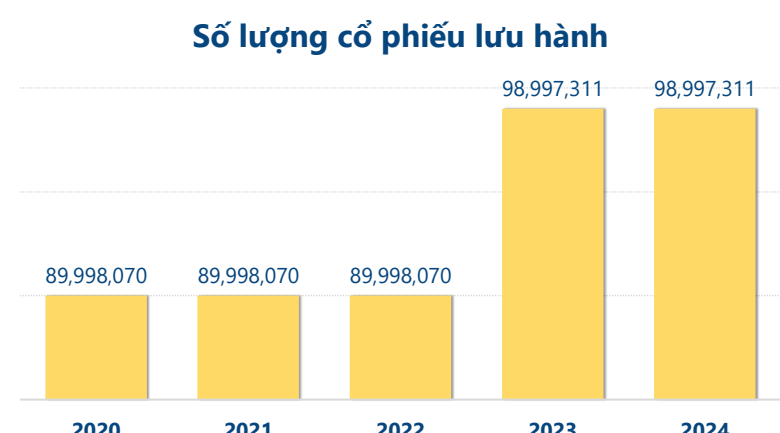
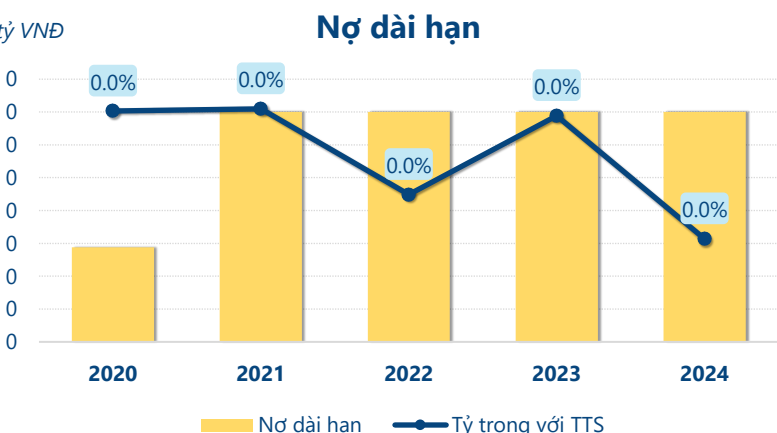
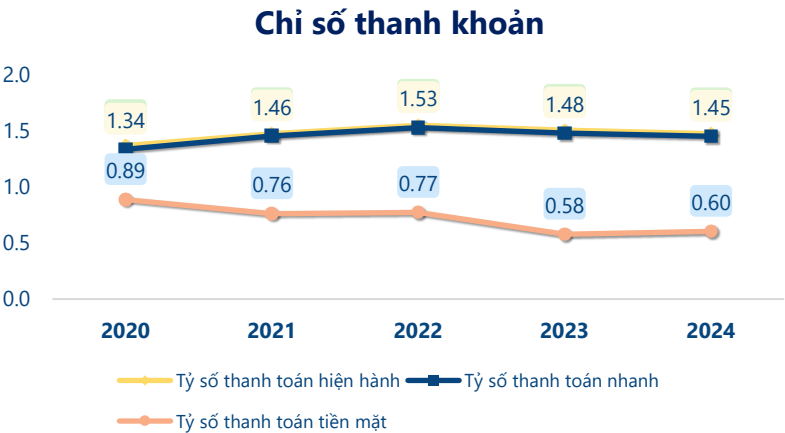
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm **2/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt **1/2** điểm cải thiện tốt hơn so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (HSX: PGD)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **PGD**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	3,768	3,363	12.1%
Tài sản ngắn hạn	3,378	2,955	14.3%
Tiền và tương đương tiền	1,385	1,135	22.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	718	487	47.2%
Phải thu ngắn hạn	1,204	1,229	-2.0%
Hàng tồn kho	48.6	46.7	4.1%
Tài sản ngắn hạn khác	22.8	57.3	-60.2%
Tài sản dài hạn	390	408	-4.4%
Phải thu dài hạn	3.45	3.05	12.9%
Tài sản cố định	263	278	-5.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.91	2.30	-17.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	122	124	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,291	1,961	16.8%
Nợ ngắn hạn	2,291	1,961	16.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2,012	1,643	22.5%
Nợ dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,478	1,402	5.4%
Vốn chủ sở hữu	1,478	1,402	5.4%
Vốn điều lệ	990	990	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	7,527	8,996	11,274	9,891	10,938
Giá vốn hàng bán	6,836	8,305	10,321	9,125	10,170
Lợi nhuận gộp	690	691	954	765	768
Doanh thu HĐTC	10.4	11.5	19.9	51.6	31.1
Chi phí TC	0	5.78	4.00	7.35	3.24
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	367	315	349	367	386
Chi phí QLDN	76.5	60.2	99.0	107	96.0
LN thuần từ HĐKD	257	322	521	336	314
Lợi nhuận khác	-1.67	1.37	-1.77	-0.48	-1.48
LN trước thuế	255	323	520	335	313
Lợi nhuận sau thuế	203	254	413	266	249
LNST của CĐ cty mẹ	203	254	413	266	249

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	535	-24.8	481	123	622
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.1	-28.7	-156	-173	-224
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-225	-180	-225	-405	-148
Tiền đầu kỳ	1,446	1,724	1,491	1,590	1,135
Lưu chuyển tiền thuần	278	-234	99.3	-455	250
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,724	1,491	1,590	1,135	1,385